UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 214/BC-TH

Hà Đông, ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Năm học 2025-2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên gọi: Trường Tiểu học Vạn Phúc

2. Địa chỉ: Số 7 ngõ 68 đường Vạn Phúc, phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Email: c1vanphuc-hadong@hanoiedu.vn

Website: https://thvanphuc.edu.vn/

Loại hình: Trường công lập

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

3.1. Sứ mạng: Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao. Xây dựng ngôi trường Hạnh phúc, trường học số.

3.2. Tầm nhìn: Trường là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

3.3. Hệ thống giá trị cơ bản:

- Đoàn kết - Trách nhiệm.
- Thân thiện - Kỉ luật.
- Năng động - Sáng tạo
- Khát vọng - Vươn lên

4. Mục tiêu

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Vạn Phúc được thành lập năm 1990 trên cơ sở tách ra từ Trường cấp 1 + 2 Vạn Phúc. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, nhà trường được tổ chức lại và trực thuộc UBND phường Hà Đông theo Quyết định số 38/QĐ-UBND của UBND phường Hà Đông, phù hợp với mô hình chính quyền đô thị hai cấp.

Trải qua 36 năm xây dựng và phát triển, Trường Tiểu học Vạn Phúc không ngừng lớn mạnh, từng bước khẳng định vị thế là một trong những cơ sở giáo dục chất lượng, uy tín của ngành Giáo dục Thủ đô. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường

Scanned with CamScanner

luôn đoàn kết, nỗ lực, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Nhiều năm liền, nhà trường được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến; đặc biệt trong năm học 2020–2021, trường vinh dự nhận bằng khen của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tháng 8/2024, đoàn đánh giá ngoài của Thành phố đã tiến hành kiểm định lại chất lượng giáo dục. Kết quả, Trường Tiểu học Vạn Phúc được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, ghi nhận những nỗ lực bền bỉ của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thanh Vân

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0977916286

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Trường Tiểu học Vạn Phúc được tổ chức lại thành trường Tiểu học Vạn Phúc, phường Hà Đông ngày 01/7/2025 theo Quyết định số 38/QĐ-UBND của UBND phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

7.2. Quyết định thành lập hội đồng trường số 1506/QĐ-GDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hà Đông.

Nghị quyết Hội đồng trường ngày 5/9/2025 về Kế hoạch giáo dục nhà trường.

Danh sách các thành viên của Hội đồng trường:

- Bà Nguyễn Thanh Vân, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng : Chủ tịch Hội đồng
- Bà Lê Hồng Sĩ, Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng : Phó CT Hội đồng
- Bà Phạm Tiến Phong, Chi ủy viên, Phó Hiệu trưởng : Thư kí Hội đồng.
- Bà Đỗ Lan Hương, Tổ trưởng tổ bộ môn : Thành viên
- Bà Đào Thị Ánh, Tổ trưởng chuyên môn tổ 3 : Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Lý, Tổ trưởng chuyên môn tổ 5 : Thành viên
- Nguyễn Minh Thái, Bí thư chi đoàn, GVTPT : Thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Hiển, PCT UBND P.Hà Đông : Thành viên
- Ông Khương Thị Thanh Thủy, Trưởng ban đại diện CMHS : Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

* Hiệu trưởng: Nguyễn Thanh Vân

Quyết định Bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng theo Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Hà Đông.

* Phó hiệu trưởng: Lê Hồng Sĩ

Scanned with CamScanner

Quyết định bổ nhiệm của Phó hiệu trưởng theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Hà Đông

* Phó hiệu trưởng: Phạm Tiến Phong

Quyết định bổ nhiệm của Phó hiệu trưởng theo Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 8 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Hà Đông

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Vạn Phúc hoạt động theo cơ chế nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động toàn phần; Thực hiện theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Scanned with CamScanner

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG TIỂU HỌC

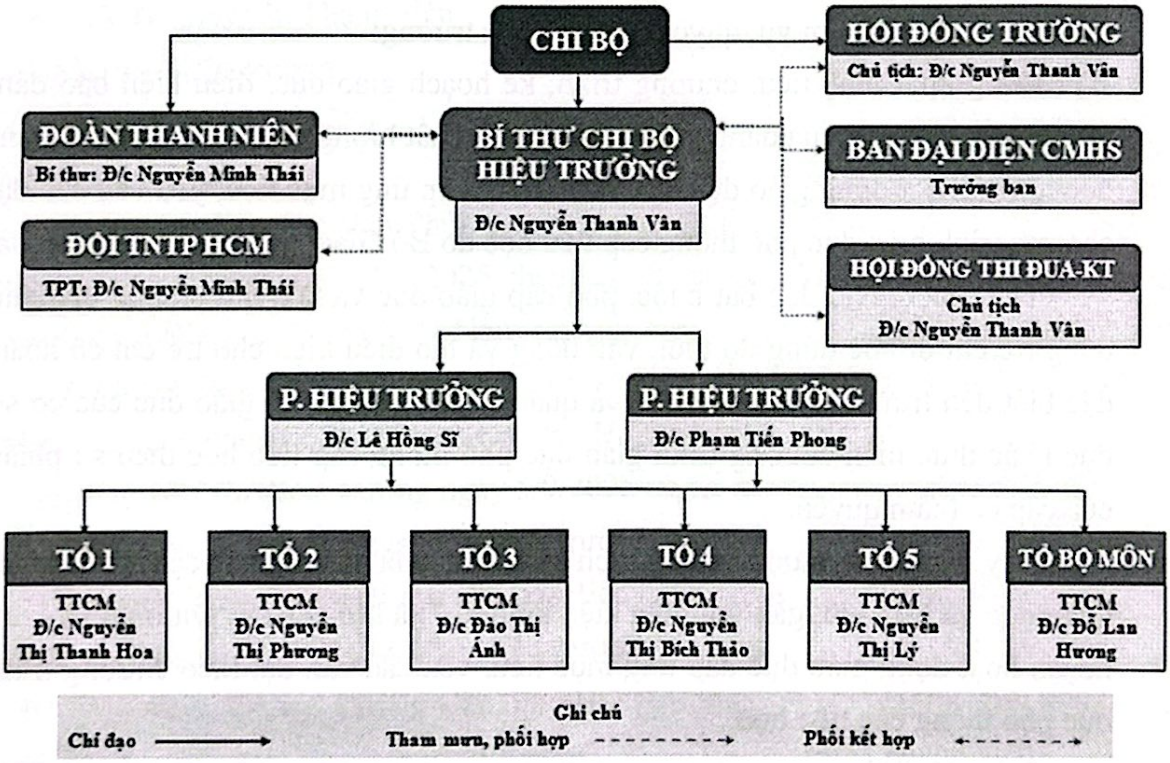

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Kế hoạch số 14/KH-THVP ngày 10/01/2025 về kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 được Phòng GDĐT quận Hà Đông phê duyệt.

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 413/QCLV-THVP ngày 17/10/2025 của Trường Tiểu học Vạn Phúc về Quyết định ban hành Quy chế làm việc của nhà trường;

Quyết định số 292/QĐ- THVP ngày 29/8/2025 Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Tiểu học Vạn Phúc năm học 2025-2026; Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường;...

Scanned with CamScanner

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên		**47**			**40**				**1**	**16**	**25**	**9**	**34**		
I	**Giáo viên**	40			40				1	16	22	6	34		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3					1	2				
3	Tin học				0										
4	Âm nhạc	2			2					1	1				
5	Mỹ thuật	2			2					1	1				
6	Thể dục	2			2					2					
7	TPT Đội	1			1						1				
8.	GV tiểu học	30			30					11	17		1		
II	**Cán bộ quản lý**	**3**			**3**					**1**	**2**				
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					1	1				
III	**Nhân viên**	**4**													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			14										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1										
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ, phục vụ														

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m²)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m²/01 học sinh)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m²/01 học sinh)
I	**Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (m²)**	9.999m²			
II	**Số điểm trường**	1		-	-
III	**Tổng số phòng, hạng mục**			-	-
1	**Khối phòng hành chính quản trị**			-	-
a	Phòng Hiệu trưởng	1/56m²		-	-
b	Phòng Phó Hiệu trưởng	1/20m2		-	-
c	Phòng họp	1/56m²			
d	Văn phòng	1/56m²			
e	Phòng bảo vệ	1/20m²			
2	**Khối phòng học tập**			-	-
a	Số phòng học/số lớp	28/28		-	-
b	Loại phòng học			-	-
	Phòng học kiên cố	32/1792m²		1,4m²/học sinh	1,35m²/học sinh
	Phòng học bán kiên cố			-	-
	Phòng học tạm			-	-
	Phòng học nhờ, mượn			-	-
3	**Khối phòng hỗ trợ học tập**			-	-

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m²)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m²/01 học sinh)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m²/01 học sinh)
a	Phòng thư viện	1/56m²		-	-
b	Phòng thiết bị	1/56m²		-	-
c	Phòng Đội, P. truyền thống	1/76m²			
d	Phòng tư vấn HĐ	1/56m²			
4	**Khối phụ trợ**			-	-
a	Phòng họp	1/56m²		-	-
b	Phòng y tế	1/56m²		-	-
c	Kho sách	1/30m²			
5	**Khu sân chơi**	2/5000m²		3,9m²/học sinh	3m²/hoc sinh
…	Nhà đa năng	1/400m²		-	-
6	**Khối phục vụ sinh hoạt**			-	-
a				-	-
7	**Hạ tầng kỹ thuật**			-	-
a	…			-	-
IV	**Tổng số thiết bị dạy hiện có** (*Đơn vị tính: bộ*)			Số lượng	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định hiện có				
1.1	Khối lớp 1			40 đồ dùng	7
1.2	Khối lớp 2			42 đồ dùng	7
1.3	Khối lớp 3			50 đồ dùng	10
1.4	Khối lớp 4			48 đồ dùng	10
1.5	Khối lớp 5			45 đồ dùng	8
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định				
2.1	Khối lớp …				
2.2	Khối lớp …				
2.3	Khối lớp …				
…	…				
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (*Đơn vị tính: bộ*)			25	Số học sinh /bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**				Số thiết bị/lớp
1	Ti vi			29	1
2	Cát xét				
3	Đầu Video/đầu đĩa				
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể			5	
5	Thiết bị khác...				
	…..				

Scanned with CamScanner

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	Nhà bếp	350
XI	Nhà ăn	900

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1568	1100	1,4m^2
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
XX	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt		
1	Lớp 1		
	Tiếng Việt 1 (Tập 1)	NXBGD Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên). Lê Thị lam Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan.
	Tiếng Việt 1 (Tập 2)	NXBGD Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên). Vũ Kim Bằng,Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.
	Toán 1 (Tập 1)	NXBGD Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hà, Bùi Bá Mạnh.
	Toán 1 (Tập 2)	NXBGD Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hà, Bùi Bá Mạnh.

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
	Đạo Đức 1	NXBGD Việt Nam	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.
	Tự Nhiên Xã Hội 1	NXBGD Việt Nam	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tỉnh
	Giáo Dục Thể Chất 1	NXBGD Việt Nam	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.
	Âm Nhạc 1	NXBGD Việt Nam	Đỗ Minh Chính (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Mai linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.
	Hoạt Động Trải Nghiệm1	NXBGD Việt Nam	Bùi Sĩ Tụng (Tổng chủ biên),, Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.
	Mĩ thuật 1	NXBGD Việt Nam	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng chủ biên)
2	**Lớp 2**		
	Tiếng Việt, lớp 2 (tập 1,2)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng,Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
	Toán, lớp 2 (tập 1,2)	Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên),
	Đạo đức, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thành Nam (Chủ biên)
	Tự nhiên xã hội, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Thấn(Chủ biên)
	Âm nhạc, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (Chủ biên)
	Mĩ thuật, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên)
	Giáo dục thể chất, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Thơ (Chủ biên)
	Hoạt động trải nghiệm, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên)
3	**Lớp 3**		
	Tiếng Việt 3 (tập một)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng
	Tiếng Việt 3 (tập hai)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
	Toán 3 (tập một)	Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái
	Toán 3 (tập hai)	Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái
	Tự nhiên và xã hội 3	Giáo dục Việt Nam	Vũ văn Hùng
	Đạo đức 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Toan
	Âm nhạc 3	Giáo dục Việt Nam	Hoàng Long
	Mĩ thuật 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên)
	Công nghệ 3	Giáo dục Việt Nam	Lê Huy Hoàng
	Tin học 3	Đại học Vinh	Lê Khắc Thành (Chủ biên)
	Hoạt động trải nghiệm 3	Giáo dục Việt Nam	Lưu Thu Thủy
	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Duy Quyết
	Tiếng Anh 3 (Wonderful World)	Đại học Sư phạm	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên)
4	**Lớp 4**		
	Tiếng Việt 4 (Tập 1)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương Chủ biên) Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan
	Tiếng Việt 4 (Tập 2)		Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương Chủ biên) Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm
	Toán 4	Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên) Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
	Đạo đức 4	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung
	Lịch sử và Địa lí 4	Giáo dục Việt Nam	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí)

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
	Khoa học 4	Giáo dục Việt Nam	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung
	Tin học 4	Đại học Vinh	Lê Khắc Thành (Chủ biên)
	Công nghệ 4	Giáo dục Việt Nam	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên) Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo
	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên) Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh,Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm
	Âm nhạc 4	Giáo dục Việt Nam	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Nga, Nguyễn Thị Nga
	Mĩ thuật 4	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận
	Hoạt động trải nghiệm 4	Giáo dục Việt Nam	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Thị Hương Liên, Nguyễn Thị Tố Oanh
	Tiếng Anh 4 (Wonderful World)	Đại học Sư phạm	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên)
5	**Lớp 5**		
	Tiếng Việt 5 (Tập 1)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng
	Tiếng Việt 5 (Tập 2)		Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim
XXI	**Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**		

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
1	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Minh Ngọc
2	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm
3	Vở bài tập Toán , tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
4	Vở bài tập Toán 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên),Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường
5	An toàn giao thông cho học sinh tiểu học lớp 1	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	Tập viết lớp 1,tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
8	Tập viết lớp 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
9	Tiếng Anh 1 (English Discovery)	NXBĐHQG Hà Nội	Lưu Thị Kim Nhung (chủ biên) Đỗ Thị Phi Nga
10	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền
11	An toàn giao thông cho học sinh tiểu học lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Tập viết lớp 2 tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng Phạm Kim Chung
13	Tập viết lớp 2 tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng Phạm Kim Chung
14	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền
15	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	NXBĐHQG Hà Nội	Lưu Thị Kim Nhung (chủ biên) Đỗ Thị Phi Nga
16	An toàn giao thông cho học sinh lớp 3	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo
17	Tập viết lớp 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
18	Tập viết lớp 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
19	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 3	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền
20	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 4	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
21	An toàn giao thông cho học sinh lớp 4	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo
22	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 5	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền
23	An toàn giao thông cho học sinh lớp 5	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Hàng năm nhà trường tổ chức tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Trong những năm học qua, nhà trường đã thực hiện công tác tổ chức và quản lí đúng quy định. Cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên của nhà trường về cơ bản có đủ số lượng (tính cả hợp đồng), trình độ đào tạo của giáo viên đạt chuẩn cao đáp ứng yêu cầu về chuẩn đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đáp ứng về yêu cầu nhiệm vụ công tác và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đảm bảo về chất lượng giáo dục học sinh hàng năm. Học sinh của nhà trường đảm bảo quy định về độ tuổi, luôn có ý thức thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định của học sinh, được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường thường xuyên tham mưu với các cấp lãnh đạo, phối hợp với Ban đại diện CMHS, vận động nhiều nguồn kinh phí khác nhau để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Nhờ thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, nhà trường đã tạo được mối quan hệ bền vững giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Bên cạnh việc thực hiện tốt các hoạt động giáo dục trong đó chú trọng hoạt động dạy - học và rèn luyện năng lực, phẩm chất, nhà trường còn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh nên hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường hàng năm luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Tuy nhiên, nhà trường cũng còn một số hạn chế nhất định, tình hình cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, sự phát triển đi lên của ngành giáo dục nói riêng. Mặt khác, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất là ở lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, việc soạn giảng giáo án điện tử chưa thường xuyên, đồng đều ở tất cả các môn học.

Scanned with CamScanner

Nhà trường đã mô tả đúng thực trạng, phân tích những ưu điểm, khuyết điểm, đưa ra kế hoạch cải tiến trong thời gian đến. Dựa trên những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, nhà trường tự đánh giá:

1. Mức 1: Đạt 27/27 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%; Không đạt: 0 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%
2. Mức 2: Đạt 27/27 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%; Không đạt: 0 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%
3. Mức 3: Đạt 16/19 tiêu chí - Tỷ lệ: 84,2%; Không đạt: 3/19 tiêu chí - Tỷ lệ: 15,8%

Căn cứ Mục c, Khoản 2, Điều 34; Khoản 2, Điều 37 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD& ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Với các chỉ số và tiêu chí đạt yêu cầu tự đánh giá như trên trường Tiểu học Vạn Phúc đạt:

Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: đạt Mức 2.

Cơ sở giáo dục phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường được đoàn đánh giá ngoài của Thành phố công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư)

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1.	Kết quả tuyển sinh NH 2025-2026	263/268	263/268				
2.	Số học sinh	1.269	257	254	249	240	269
3.	Số lớp	28	6	6	5	5	6
4.	Sĩ số bình quân	45,32	42,3	42,3	49,8	48,00	44,8

Scanned with CamScanner

5.	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1.269	257	254	249	240	269
6.	Số học sinh dân tộc	17	4	9	1	2	1
7.	Số học sinh khuyết tật	*16*	3	7	4	1	1
8.	Số học sinh thuộc diện chính sách						
9.	Số học sinh chuyển đi	47	11	10	15	6	5
10.	Số học sinh chuyển đến	37	1	7	14	8	7

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp: (Đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT)

	Sĩ số	**Tổng số HS có KQĐG**	**Lớp 1**	**Lớp 2**	**Lớp 3**	**Lớp 4**	**Lớp 5**
I. Kết quả học tập							
1. Tiếng Việt	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Hoàn thành tốt		***882***	214	165	186	136	181
Hoàn thành		***370***	39	82	59	103	87
Chưa hoàn thành		***1***	1				
2. Toán	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Hoàn thành tốt		***954***	222	188	180	161	203
Hoàn thành		***298***	31	59	65	78	65
Chưa hoàn thành		***1***	1				
3. Đạo đức	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Hoàn thành tốt		***976***	186	198	200	172	220
Hoàn thành		***277***	68	49	45	67	48
Chưa hoàn thành							
4. Tự nhiên và Xã hội	***760***	***746***	254	247	245		

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Hoàn thành tốt		*525*	179	179	167		
Hoàn thành		*221*	75	68	78		
Chưa hoàn thành							
5. Khoa học	*509*	*507*				239	268
Hoàn thành tốt		*395*				170	225
Hoàn thành		*112*				69	43
Chưa hoàn thành							
6. LS&ĐL	*509*	*507*				239	268
Hoàn thành tốt		*378*				159	219
Hoàn thành		*129*				80	49
Chưa hoàn thành							
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Hoàn thành tốt		*621*	118	122	131	113	137
Hoàn thành		*632*	136	125	114	126	131
Chưa hoàn thành							
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Hoàn thành tốt		*629*	123	120	127	120	139
Hoàn thành		*624*	131	127	118	119	129
Chưa hoàn thành							
9. Hoạt động trải nghiệm	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Hoàn thành tốt		*849*	162	150	168	156	213
Hoàn thành		*404*	92	97	77	83	55
Chưa hoàn thành							
10. Giáo dục thể chất	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Hoàn thành tốt		*625*	122	123	118	117	145
Hoàn thành		*628*	132	124	127	122	123
Chưa hoàn thành							
11. TH-CN (Công nghệ)	*758*	*752*			245	239	268
Hoàn thành tốt		*534*			188	160	186
Hoàn thành		*218*			57	79	82

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Chưa hoàn thành							
12. TH-CN (Tin học)	***758***	***752***			245	239	268
Hoàn thành tốt		***431***			145	146	140
Hoàn thành		***321***			100	93	128
Chưa hoàn thành							
13. Ngoại ngữ	***1269***	***752***			245	239	268
Hoàn thành tốt		***453***			156	143	154
Hoàn thành		***299***			89	96	114
Chưa hoàn thành							
14. Tiếng dân tộc							
Hoàn thành tốt							
Hoàn thành							
Chưa hoàn thành							
II. Năng lực cốt lõi							
Năng lực chung							
Tự chủ và tự học	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Tốt		***965***	204	204	180	161	216
Đạt		***287***	49	43	65	78	52
Cần cố gắng		***1***	1				
Giao tiếp và hợp tác	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Tốt		***968***	202	195	179	169	223
Đạt		***284***	51	52	66	70	45
Cần cố gắng		***1***	1				
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Tốt		***821***	153	164	159	155	190
Đạt		***431***	100	83	86	84	78
Cần cố gắng		***1***	1				
Năng lực đặc thù							
Ngôn ngữ	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Tốt		***908***	216	180	187	135	190

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Đạt		*344*	37	67	58	104	78
Cần cố gắng		*1*	1				
Tính toán	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Tốt		*957*	221	197	183	161	195
Đạt		*295*	32	50	62	78	73
Cần cố gắng		*1*	1				
Tin học	*758*	*752*			245	239	268
Tốt		*455*			145	146	164
Đạt		*297*			100	93	104
Cần cố gắng							
Công nghệ	*758*	*752*			245	239	268
Tốt		*538*			179	160	199
Đạt		*214*			66	79	69
Cần cố gắng							
Khoa học	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Tốt		*905*	162	188	161	182	212
Đạt		*348*	92	59	84	57	56
Cần cố gắng							
Thẩm mĩ	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Tốt		*779*	179	178	127	120	175
Đạt		*474*	75	69	118	119	93
Cần cố gắng							
Thể chất	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Tốt		*757*	156	188	122	116	175
Đạt		*496*	98	59	123	123	93
Cần cố gắng							
III. Phẩm chất chủ yếu							
Yêu nước	*1269*	*1,253*	254	247	245	239	268
Tốt		*1,245*	253	246	245	239	262
Đạt		*8*	1	1			6

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Cần cố gắng							
Nhân ái	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Tốt		***1,228***	250	246	245	225	262
Đạt		***25***	4	1		14	6
Cần cố gắng							
Chăm chỉ	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Tốt		***990***	209	206	183	169	223
Đạt		***263***	45	41	62	70	45
Cần cố gắng							
Trung thực	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Tốt		***1,128***	223	226	211	213	255
Đạt		***125***	31	21	34	26	13
Cần cố gắng							
Trách nhiệm	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
Tốt		***1,028***	211	204	186	183	244
Đạt		***225***	43	43	59	56	24
Cần cố gắng							
IV. Đánh giá KQGD	***1269***	***1,253***	254	247	245	239	268
- Hoàn thành xuất		***434***	90	80	91	82	91
- Hoàn thành tốt		***83***	11	17	15	16	24
- Hoàn thành		***735***	152	150	139	141	153
- Chưa hoàn thành		***1***	1				
V. Khen thưởng		***672***	106	128	196	114	128
- Giấy khen cấp trường		***575***	104	127	110	107	127
- Giấy khen cấp trên		***97***	2	1	86	7	1
VI. HSDT được trợ giảng							
VII. HS.K.Tật		***16***	3	7	4	1	1
VIII. HS bỏ học kỳ II							
+ Hoàn cảnh GĐKK							
+ KK trong học tập							

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
+ Xa trường, đi lại K.khăn							
+ Thiên tai, dịch bệnh							
+ Nguyên nhân khác							
IX. Chương trình lớp học	1269	1,269	257	254	249	240	269
Hoàn thành	1268	1,268	256	254	249	240	269
Chưa hoàn thành	1	1	1				

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC

Đơn vị triệu đồng

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính n-1)	Chi NSNN	
					Dự toán	Ước thực hiện
	A	B		1	2	3
II	**Chi thường xuyên**	**triệu đồng**	**01**	**18.705,93**	**18.178,53**	
2	**Giáo dục Tiểu học**	triệu đồng	02	18.705,93	18.178,53	
2.1	Chia theo nguồn:			18.705,93	18.178,53	
2.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	03	8.581,93	13.860,93	
2.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	04			
2.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	05	10.124,00	4.317,60	
2.2	Chia theo nhóm chi:			18.705,93	18.178,53	
2.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	06	8.650,83	9.785,90	
2.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	07	10.005,08	8.318,10	
2.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	08			
2.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	09	50,02	74,53	
6	**Đào tạo khác trong nước**	triệu đồng	10			
6.1	Chia theo nguồn:					
6.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	11			
6.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	12			
6.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	13			
6.2	Chia theo nhóm chi:					
6.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	14			
6.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	15			
6.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	16			
6.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	17			

Scanned with CamScanner

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính n-1)	Chi NSNN	
					Dự toán	Ước thực hiện
	A	B		1	2	3
7	**Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức**	triệu đồng	18			
7.1	Chia theo nguồn:					
7.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	19			
7.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	20			
7.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	21			
7.2	Chia theo nhóm chi:					
7.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	22			
7.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	23			
7.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	24			
7.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	25			

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH DIỆN HỘ NGHÈO, HỌC SINH KHUYẾT TẬT NĂM HỌC 2025-2026

Đơn vị đồng

TT	Tên học sinh	HỌC KÌ 1				HỌC KÌ 2				Tổng số tiền cả năm học 2025-2026
		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		
		Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1.	Phạm Tố Uyên	4	600.000			5	750.000			1.350.000
2.	Phạm Đức Tuấn	4	600.000			5	750.000			1.350.000
	Tổng	**8**	**1.200.000**			**10**	**1.500.000**			**2.700.000**

Scanned with CamScanner

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chi bộ: Năm 2025: Đã kết nạp chính thức 01 đảng viên mới, 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 05 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ xếp loại "Hoàn thành Tốt nhiệm vụ" theo Thông báo số 198-TB/ĐU ngày 19/12/2023.

3. Đội TNTP HCM: Có thành tích Xuất sắc trong phong trào Thanh thiếu nhi năm học 2025-2026.

4. Chuyên môn:

4.1. Giáo viên:

- Hội giảng giáo viên giỏi Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam cấp trường (20/11) đạt: 2 giải Nhất, 3 giải Nhì, 2 giải Ba. Tham gia tích cực vào Hội thi GVG cấp Phường với thành tích: 01 giải Ba (cô giáo: Nguyễn Thị Nghĩa).

4.2. Học sinh:

- Kết quả các cuộc thi cấp trường

TT	Tên cuộc thi	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải Khuyến khích
I	**Giải tập thể**	**04**	**04**	**05**	**0**
1	Giải Văn nghệ chào mừng Ngày NGVN 20/11	11	08	09	
2	Giải Báo tường chào mừng Ngày NGVN 20/12	06	09	13	
3	Giải Kéo co chào mừng Ngày NGVN 20/11	05	05	05	
4	Thiết kế sản phẩm số sử dụng công nghệ AI	01	01	03	
5	Bóng rổ chào mừng ngày 26/3	03	03	03	
Tổng số		**26**	**26**	**33**	
II	**Giải cá nhân**				
1	Vẽ tranh, kể chuyện Cuộc thi "Tìm hiểu về	11	16	23	33

Scanned with CamScanner

	ngày Giải phóng Thủ đô 10/10"				
2	Tin học trẻ cấp trường Khối 3, 4, 5	9	17	27	54
3	Olympic Tiếng Anh cấp trường Khối 3,4,5	15	25	44	48
4	Thiết kế thiệp chào mừng Ngày NGVN 20/11	10	15	25	34
5	Làm đèn lồng	9	9	10	36
6	Tài năng Tin học trẻ Quốc tế - TP Hà Nội	4	5	11	6
7	Trạng nguyên Tiếng Việt	5	12	13	25
8	Phong trào "Đọc sách hay - truyền cảm hứng"	5		30	
9	Viết chữ Thư pháp	3	6	23	
10	Quyên góp sách	1	1	1	
11	Thiết kế mô hình tái chế	8	9	13	9
12	Thiết kế trò chơi qua phần mềm	3	4	3	4
13	Cờ vua	10	12	13	13
14	Cầu lông	8	8	8	3
15	Viết chữ đẹp cấp trường	19	18	32	27
16	Viết bài tuyên truyền, giới thiệu sách	2	5	7	8
17	Thiết kế bìa sách em yêu	5	12	13	16
Tổng số		**127**	**174**	**296**	**316**

- Kết quả các cuộc thi cấp Phường

STT	Tên cuộc thi	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK
1	Bóng bàn	0	01	0	0

Scanned with CamScanner

2	Cuộc thi Tài năng nhạc cụ học sinh Tiểu học	0	0	01	0
3	Vioedu môn tổng hợp và môn Tiếng Anh	03	06	08	14
4	Cuộc thi phụ trách Sao giỏi, phụ trách Đội giỏi	01	0	0	0
5	Đại sứ Văn hóa đọc	01	02	01	01
6	Gia đình đọc sách	0	01	0	0
Tổng số		**05**	**10**	**10**	**15**

- Kết quả các cuộc thi cấp Thành phố, Quốc gia.

STT	Tên cuộc thi	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK
1	Kì thi Toán học Quốc tế - TiMo	01	0	02	0
2	Cuộc thi vô địch Quốc gia Việt Nam VEXRobotics 2026 hạng mục VexIQ	0	0	0	Đứng thứ 4
3	Cuộc thi vô địch Tekmonk Coding Olympiad Quốc gia Việt Nam VEXRobotics 2026 hạng mục VexIQ của Cuộc thi Vô địch Quốc gia STEM, AI và Robotics	0	01	03	02
4	Cuộc thi Vô địch Quốc gia STEM, AI & ROBOTTICS	0	0	0	Giải Tiềm năng
Tổng số		**01**	**01**	**05**	**04**

- Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng và các hoạt động văn hóa, văn nghệ Chào mừng ngày 26/3 đạt nhiều giải với nhiều cuộc thi: Kể chuyện chào mừng ngày 26/3, Bóng rổ, Nhảy bao bố, Ô ăn quan, Bước nhảy đoàn kết, Kéo co...

- Tổ chức ngày hội đọc sách và công nghệ với nhiều hoạt động: Thiết kế bìa cuốn sách, Thi điều khiển Robot Vex và K-Cbot, tạo Video về chuyển đổi số trong nhà trường, Xếp sách nghệ thuật...

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2026 của Trường Tiểu học Vạn Phúc theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà

Scanned with CamScanner

trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn được biết./

Nơi nhận:
- Đảng ủy, UBND phường Hà Đông (để b/c);
- Phòng VH – XH phường; (để b/c)
- CB, GV, NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS trường;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG HÀ ĐÔNG T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC

Nguyễn Thanh Vân

Scanned with CamScanner